



LUẬT SƯ TLT – TLT LEGAL

Website: TLTLegal.com – Tel: 0862667736

Phòng 1206 Tầng 12, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP.HCM

THẺ CHẤP QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Ths. Luật sư Nguyễn Quang Trung

TP.HCM, tháng 01 năm 2021

Năm 1988, Walt Disney đã huy động được khoảng 725 triệu USD từ Ngân hàng Công nghiệp Nhật Bản thông qua phát hành trái phiếu dựa trên thu nhập trong 20 năm tiếp theo. Thỏa thuận này được cấu trúc theo cách mà các nhà đầu tư không bị thiếu hụt doanh thu và Disney tiếp tục nhận được tiền bản quyền của mình mà không mất bất kỳ khoản tiền nào. Với thương hiệu Walt Disney, các nhà đầu tư đã thể hiện niềm tin và phản ứng tích cực trên thị trường. Năm 2009, Ủy ban điều tiết ngân hàng Trung Quốc quyết định cho phép các công ty công nghệ nhỏ sử dụng bằng sáng chế và các loại quyền sở hữu trí tuệ khác làm tài sản thế chấp cho khoản vay. Tại Ấn Độ, chủ tịch tập đoàn UB đã thuyết phục ngân hàng nhà nước Ấn Độ chấp nhận thương hiệu hàng không Kingfisher làm tài sản thế chấp để huy động khoản vay 2000Rs¹.

Đó là các ví dụ về việc sử dụng quyền sở hữu trí tuệ để huy động vốn mà trên thế giới đã thực hiện từ lâu. Tuy nhiên, tại Việt Nam, nội dung này chỉ mới được đặt ra gần đây với sự nổi lên của phong trào khởi nghiệp và sự hình thành các doanh nghiệp khoa học – công nghệ.

Năm 2019, Câu lạc bộ cựu đại biểu Quốc hội có ý kiến ngân hàng nên có chính sách cho phép doanh nghiệp được dùng tài sản bao gồm cả sản phẩm phát minh, sáng chế đã được đăng ký sở hữu trí tuệ làm tài sản thế chấp để vay vốn. Tuy nhiên Ngân hàng Nhà nước cho biết việc thế chấp quyền sở hữu trí tuệ còn nhiều hạn chế do khó định giá quyền sở hữu trí tuệ, giá trị của quyền sở hữu trí tuệ thường chỉ được bảo đảm trong chuỗi các hoạt động của doanh nghiệp đó, khó chuyển giao khi phải xử lý tài sản bảo đảm². Với thực trạng như vậy, nội dung bài viết này nhằm làm rõ hơn các khó khăn cho việc thế chấp quyền sở hữu trí tuệ trong thực tế là gì và đề xuất một số giải pháp phù hợp để thúc đẩy hoạt động này tại Việt Nam.

¹ Sheetal Chopra, Satha Negi, 2010. *Role of intellectual Property during recession*. Journal of Intellectual Property Rights. Vol 15, March 2010, 122-129

² Lam Giang, 2019. *Khó thế chấp tài sản sở hữu trí tuệ vay vốn ngân hàng*. <<https://vneconomy.vn/kho-the-chap-tai-san-so-huu-tri-tue-vay-von-ngan-hang-20190301103652111.htm>>. [Ngày truy cập: 27/12/2020]

1. Những vấn đề chung về quyền sở hữu trí tuệ

1.1. Quyền sở hữu trí tuệ là tài sản vô hình

Theo WIPO, tài sản trí tuệ (IP) được chỉ đến những sáng tạo của trí óc, chẳng hạn như phát minh; tác phẩm văn học nghệ thuật; kiểu dáng; và các biểu tượng, tên và hình ảnh được sử dụng trong thương mại³.

Các quyền đối với tài sản trí tuệ được pháp luật quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm:

- Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả;
- Quyền sở hữu công nghiệp;
- Quyền đối với giống cây trồng.

Pháp luật Việt Nam quy định tài sản gồm 4 loại tài sản bao gồm: vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản⁴. Theo đó 3 loại quyền nêu trên được xem là quyền tài sản⁵, và khác với vật, tiền hay giấy tờ có giá là các tài sản hữu hình có hình thái vật chất cụ thể, quyền tài sản là một loại tài sản vô hình đặc biệt⁶.

1.2. Các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ

Hiện nay, mặc dù cụm từ “tài sản trí tuệ” đã được Việt Nam đề cập đến tại Khoản 1 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, chưa có khái niệm chính thức về tài sản trí tuệ, mà Luật chỉ đề cập đến các đối tượng mà có thể được hiểu là tài sản trí tuệ được quy định gồm 3 nhóm đối tượng tại Điều 3 bao gồm:

- *“Đối tượng quyền tác giả bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.*

³ WIPO, What is Intellectual Property? <<https://www.wipo.int/about-ip/en/>>. [Ngày truy cập: 12/12/2020]

⁴ Khoản 1 Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015

⁵ Điều 115 Bộ luật Dân sự năm 2015

⁶ Bùi Đức Giang, 2012. *Đi tìm triết lý thể chấp quyền tài sản trong pháp luật Việt Nam*. Ngân hàng nhà nước Việt Nam, 2012, Số 7, tr.56-63.

- *Đối tượng quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý.*
- *Đối tượng quyền đối với giống cây trồng là vật liệu nhân giống và vật liệu thu hoạch”*

Đối với mỗi đối tượng tài sản trí tuệ, sẽ chứa đựng 2 loại quyền bao gồm:

- Quyền nhân thân của tác giả;
- Quyền tài sản của chủ sở hữu.

Quyền nhân thân của tác giả bao gồm các quyền về đặt tên tác phẩm...; được ghi tên là tác giả tác phẩm, tác giả bằng độc quyền sáng chế, tác giả giống cây trồng...; được nêu tên là tác giả trong các tài liệu công bố, nêu tên khi công bố tác phẩm, giới thiệu về sáng chế...⁷ Quyền nhân thân là không được chuyển nhượng cho chủ thể khác, trừ quyền công bố tác phẩm. Vì vậy, nhìn chung quyền nhân thân không mang lại lợi ích về mặt thương mại cho tác giả.

Quyền tài sản của chủ sở hữu bao gồm các quyền để khai thác giá trị thương mại của tài sản trí tuệ, bao gồm các quyền như:

- *Làm tác phẩm phái sinh; Biểu diễn tác phẩm trước công chúng; Sao chép tác phẩm; Phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm; Truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác ...*⁸;
- *Sử dụng, cho phép người khác sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, giống cây trồng; Định đoạt đối tượng sở hữu công nghiệp, chuyển giao quyền đối với giống cây trồng*⁹.

Chính từ các hoạt động sử dụng quyền tài sản trên mà chủ sở hữu có thể sản xuất, khai thác công dụng của sản phẩm được bảo hộ, phân phối, xuất khẩu, nhập khẩu và thu được lợi ích tài chính từ các hoạt động khai thác thương mại đối với tài sản trí tuệ. Đây chính là điều mà các doanh nghiệp quan tâm để đầu tư vào tài sản trí tuệ.

⁷ Điều 19, Khoản 2 Điều 122, Điều 185 Luật Sở hữu trí tuệ

⁸ Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ

⁹ Điều 123, 186 Luật Sở hữu trí tuệ

2. Những vấn đề chung về biện pháp thế chấp

2.1. Không chuyển giao quyền chiếm hữu tài sản thế chấp

Thế chấp là một biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ¹⁰, trong đó bên thế chấp dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và không giao tài sản cho bên nhận thế chấp¹¹.

Bộ luật Dân sự năm 2005 công nhận rõ các quyền tài sản trong đó có quyền sở hữu trí tuệ là một loại tài sản có thể được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự¹². Bộ luật Dân sự năm 2015 không quy định cụ thể đối với tài sản trí tuệ như trên, thay vào đó, một tài sản có thể được dùng làm tài sản bảo đảm khi chỉ cần thỏa điều kiện là thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm¹³ và tài sản đó có thể là tài sản hình thành trong tương lai.

Trong biện pháp thế chấp, tài sản thế chấp vẫn thuộc quyền chiếm hữu, khai thác và sử dụng của bên thế chấp. Do vậy, chủ nợ có rủi ro tài sản thế chấp bị suy giảm giá trị, thậm chí có thể mất đi dẫn đến việc thu hồi nợ gặp khó khăn.

2.2. Giá trị tài sản thế chấp so với giá trị nghĩa vụ được bảo đảm

Pháp luật dân sự hiện hành không quy định bắt buộc về sự tương quan giữa giá trị tài sản thế chấp và nghĩa vụ được bảo đảm. Theo đó, giá trị của tài sản bảo đảm có thể lớn hơn, nhỏ hơn hoặc bằng với giá trị nghĩa vụ được bảo đảm.

Tuy vậy, trên thực tế, bên nhận tài sản bảo đảm thường yêu cầu giá trị nghĩa vụ được bảo đảm phải trong giới hạn giá trị tài sản bảo đảm. Trường hợp tài sản được sử dụng để bảo đảm cho nhiều nghĩa vụ thì giá trị tài sản bảo đảm phải lớn hơn tổng giá trị các nghĩa vụ được bảo đảm. Thực tế này xuất phát từ các quy định pháp luật trước đây¹⁴, đồng thời xuất phát từ các quy định quản trị rủi ro nội bộ của bên nhận bảo đảm.

2.3. Xác định giá trị tài sản thế chấp

Do Bộ luật Dân sự năm 2015 cho phép giá trị tài sản thế chấp có thể lớn hơn, nhỏ hơn hoặc bằng giá trị nghĩa vụ. Vì vậy, pháp luật không còn quy định việc định giá tài sản

¹⁰ Điều 292 Bộ luật Dân sự năm 2015

¹¹ Khoản 1 Điều 317 Bộ luật Dân sự năm 2015

¹² Khoản 1 Điều 322 Bộ luật Dân sự năm 2005

¹³ Điều 295 Bộ luật Dân sự năm 2015

¹⁴ Nghị định số 178/1999/NĐ-CP về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng (được thay thế bởi Nghị định số 163/2006/NĐ-CP)

bảo đảm để làm cơ sở quyết định mức cho vay. Hiện nay Bộ luật Dân sự năm 2015 chỉ quy định về định giá tài sản bảo đảm khi xử lý tài sản bảo đảm¹⁵, theo đó: *“Bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm có quyền thỏa thuận về giá tài sản bảo đảm hoặc định giá thông qua tổ chức định giá tài sản khi xử lý tài sản bảo đảm”*. Trong khi đó, việc xử lý tài sản bảo đảm thường được thực hiện khi bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ khi đến hạn¹⁶.

Tuy vậy, trên thực tế để phòng ngừa rủi ro và do áp dụng các quy định pháp luật trước đây, các ngân hàng quy định việc định giá tài sản bảo đảm phải được thực hiện để làm căn cứ quyết định mức cho vay. Theo đó, khi ký hợp đồng thế chấp, tài sản bảo đảm sẽ được định giá, nhưng giá trị tài sản bảo đảm tại thời điểm này chỉ dùng làm cơ sở để xác định mức cho vay mà không áp dụng khi xử lý tài sản¹⁷.

Đến nay, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật về hoạt động thẩm định giá là căn cứ pháp lý để thẩm định giá tài sản bao gồm một số thông tư quy định về các tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam như Thông tư số 126/2015/TT-BTC về các phương pháp tiếp cận trong quá trình thẩm định giá; Thông tư số 145/2016/TT-BTC về thẩm định giá bất động sản; Thông tư số 06/2014/TT-BTC về thẩm định giá tài sản vô hình.

2.4. Xử lý tài sản thế chấp

Thế chấp là một biện pháp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Vì vậy, trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên thế chấp hoặc bên đang giữ tài sản bảo đảm có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm cho bên nhận thế chấp để xử lý¹⁸.

Căn cứ Khoản 1 Điều 303 Bộ luật Dân sự năm 2015, các phương thức xử lý tài sản thế chấp có thể là: *“Bán đấu giá tài sản; Bên nhận bảo đảm tự bán tài sản; Bên nhận bảo đảm nhận chính tài sản để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm; Phương thức khác”*. Theo quy định trên, bên nhận bảo đảm có thể chiếm hữu, định đoạt và sử dụng tài sản thế chấp khi xử lý tài sản bảo đảm.

¹⁵ Điều 306 Bộ luật Dân sự năm 2015: Định giá tài sản bảo đảm

¹⁶ Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015: Các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm

¹⁷ Điều 8 Nghị định số 178/1999/NĐ-CP về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng (được thay thế bởi Nghị định số 163/2006/NĐ-CP)

¹⁸ Điều 299, 301 Bộ luật Dân sự năm 2015

3. Các lợi ích và khó khăn để thế chấp quyền sở hữu trí tuệ

Theo quy định tại Bộ luật Dân sự, quyền sở hữu tài sản bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt¹⁹. Chủ sở hữu khai thác lợi ích có được từ tài sản thông qua các quyền nêu trên. Tương tự, đối với tài sản trí tuệ, chủ sở hữu 3 nhóm quyền sở hữu trí tuệ²⁰ cũng khai thác tài sản trí tuệ thông qua các quyền dân sự này. Qua đó, chủ sở hữu có thể sử dụng quyền sở hữu trí tuệ làm tài sản thế chấp để huy động vốn từ các tổ chức tín dụng.

Việc sử dụng quyền sở hữu trí tuệ làm tài sản thế chấp trên thế giới đã có từ cuối những năm 1880 với trường hợp của Thomas Edison sử dụng bằng sáng chế của mình về bóng đèn điện sợi đốt làm tài sản thế chấp để đảm bảo tài chính để thành lập công ty của mình là General Electric Company. Mặc dù vậy, việc dùng tài sản trí tuệ làm tài sản thế chấp không thực sự phổ biến cho đến cuối thế kỷ XX khi nền kinh tế Hoa Kỳ bắt đầu chuyển từ dựa trên sản xuất sang nhiều hơn dựa trên trí tuệ²¹. Trường hợp của Thomas Edison là ví dụ điển hình của thế chấp bằng sáng chế. Không dừng lại ở đó, việc thế chấp quyền sở hữu trí tuệ còn có thể áp dụng đối với các tài sản trí tuệ khác.

3.1. Lợi ích từ việc huy động vốn có thế chấp quyền sở hữu trí tuệ

Lợi ích lớn nhất đối với doanh nghiệp là tiếp cận nguồn vốn vay từ ngân hàng. Hiện nay, tại Việt Nam “*phong trào khởi nghiệp sáng tạo đang bùng nổ khá mạnh mẽ; điểm chung của những doanh nghiệp này là tài sản hữu hình hầu như không có gì, đa phần dùng cơ sở vật chất đi thuê, hoạt động dựa trên số vốn tự có ít ỏi, nên giá trị tài sản lớn nhất chính là quyền sở hữu trí tuệ*”²². Do vậy nếu sử dụng được các tài sản này làm tài sản thế chấp để huy động vốn là giải pháp thay thế tốt cho các tài sản khác và tạo động lực thúc đẩy hoạt động nghiên cứu sáng tạo cho các cá nhân, doanh nghiệp.

¹⁹ Điều 158 Bộ luật Dân sự năm 2015

²⁰ Khoản 1 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ

²¹ Brian W. Jacobs, 2011. *Using Intellectual Property to Secure Financing after the Worst Financial Crisis Since the Great Depression*. Marquette Intellectual Property Law Review, Vol 15, 499-464.

²² Hương Dịu, 2019. Dùng quyền sở hữu trí tuệ vay vốn: Cái khó bó cái khôn. <<https://haiquanonline.com.vn/dung-quyen-so-huu-tri-tue-vay-von-cai-kho-bo-cai-khon-103921-103921.html>>. [Ngày truy cập: 29/11/2020]

3.2. Các rào cản triển khai thế chấp quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam

Việc cấp vốn cho doanh nghiệp với tài sản bảo đảm là quyền sở hữu trí tuệ lại đem đến rủi ro lớn cho các ngân hàng. Theo nhận định của chuyên gia tài chính ngân hàng Nguyễn Trí Hiếu, quyền sở hữu trí tuệ “ít có tính thanh khoản”, và “việc cho phép dùng quyền sở hữu trí tuệ để thế chấp ngân hàng chỉ là hô hào, không thực tế”²³. Đây là rào cản cho hoạt động thế chấp quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam và ngay cả thế giới.

Bộ luật Dân sự năm 2015 cho phép tài sản bảo đảm có thể là quyền tài sản. Tuy nhiên các quy định pháp luật điều chỉnh đối với thế chấp quyền tài sản còn rất hạn chế. Hiện nay, quy định về thế chấp quyền tài sản chỉ dừng lại đối với tài sản là quyền sử dụng đất và quyền đòi nợ. Do vậy, đối với quyền sở hữu trí tuệ, đến nay tại Việt Nam vẫn chưa có trường hợp nào được ghi nhận sử dụng quyền sở hữu trí tuệ làm tài sản thế chấp và vẫn còn nhiều điểm khó khăn, vướng mắc cho các bên khi thực hiện:

3.2.1. Định giá quyền sở hữu trí tuệ

Như đã nêu tại phần trên, hiện nay các ngân hàng tại Việt Nam cho vay dựa trên giá trị tài sản bảo đảm. Do vậy, đòi hỏi phải định giá tài sản thế chấp trước khi xét duyệt mức cho vay.

Theo Thông tư số 126/2015/TT-BTC và Thông tư số 06/2014/TT-BTC, có 03 cách tiếp cận có thể được sử dụng để xác định giá trị tài sản thẩm định giá theo cơ sở giá trị thị trường hoặc phi thị trường, bao gồm:

- a. Cách tiếp cận từ thị trường: giá trị của tài sản vô hình “được xác định căn cứ vào việc so sánh, phân tích thông tin của các tài sản vô hình tương tự có giá giao dịch trên thị trường”. Cách tiếp cận này đòi hỏi phải có được thông tin giao dịch chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ của bên thứ ba đã thực hiện hoặc sẵn sàng thực hiện. Tuy nhiên, tài sản trí tuệ là loại tài sản mang tính sáng tạo mà không phải ai cũng có thể tạo ra. Do đó mức độ phổ biến của các giao dịch chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ là không cao để có thể có đầy đủ thông tin tham khảo. Ngoài ra, một nhược điểm khác của các tiếp cận này là “không cung

²³ Hương Dịu, 2019. Dùng quyền sở hữu trí tuệ vay vốn: Cái khó bó cái khôn. <<https://haiquanonline.com.vn/dung-quyen-so-huu-tri-tue-vay-von-cai-kho-bo-cai-khon-103921-103921.html>>. [Ngày truy cập: 29/11/2020]

cấp được thông tin về cách xử lý các đặc điểm riêng biệt của từng giao dịch cụ thể”²⁴.

- b. Cách tiếp cận từ chi phí: *“ước tính giá trị tài sản vô hình căn cứ vào chi phí tái tạo ra tài sản vô hình giống nguyên mẫu với tài sản cần thẩm định giá hoặc chi phí thay thế để tạo ra một tài sản vô hình tương tự có cùng chức năng, công dụng theo giá thị trường hiện hành”*. Cách tiếp cận này dựa trên chi phí để tạo ra tài sản trí tuệ. Tuy nhiên, với thực tiễn tại Việt Nam, không phải chi phí nào cũng được ghi nhận để cấu thành nên giá trị tài sản. Giữa chi phí thực chi và chi phí sổ sách có độ chênh nhất định dẫn đến chi phí cấu thành giá trị tài sản không được ghi nhận đầy đủ.
- c. Cách tiếp cận từ thu nhập: *“xác định giá trị của tài sản vô hình thông qua giá trị hiện tại của các khoản thu nhập, các dòng tiền và các chi phí tiết kiệm do tài sản vô hình mang lại”*. Cách tiếp cận này tập trung vào nguồn thu nhập ước tính trong tương lai mà chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ mong muốn và có khả năng thu được. Phương pháp này đòi hỏi tài sản trí tuệ phải có khả năng thương mại hóa, đồng thời đi kèm theo chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ có năng lực để hiện thực hóa việc thương mại hóa đó. Có thực tế là các cá nhân sáng tạo ra tài sản trí tuệ lại thường hạn chế về khả năng kinh doanh. Do vậy, về đối với quyền tài sản của chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ nên là các doanh nghiệp để có thể phát huy tối đa năng lực khai thác thương mại tài sản. Ngoài ra, cách tiếp cận này đòi hỏi ngân hàng và doanh nghiệp phải có tầm nhìn và cái nhìn thực tế để nhận diện tiềm năng khai thác của tài sản trí tuệ là có hay không hay tiềm năng ở mức độ nào.

Qua ba cách tiếp cận nêu trên cho thấy rất khó để có thể định giá phù hợp quyền sở hữu trí tuệ, một phần do thiếu thông tin thị trường giao dịch tài sản trí tuệ, một phần do đặc thù là tài sản của sự sáng tạo, và bởi sự sáng tạo đó chưa hẳn là có thể đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai.

²⁴ Trần Thị Thu Hương, 2016. *Cho vay dựa trên tài sản đảm bảo là tài sản trí tuệ - Cơ hội, thách thức cho các ngân hàng thương mại Việt Nam*. Tạp chí khoa học & đào tạo ngân hàng, số 170, 46-52.

Việc gặp khó khăn để định giá quyền sở hữu trí tuệ dẫn đến các ngân hàng không có cơ sở để xác định mức cho vay. Từ đó ngân hàng hạn chế việc cho vay có thể chấp bằng quyền sở hữu trí tuệ.

3.2.2. Duy trì giá trị của tài sản bảo đảm là quyền sở hữu trí tuệ

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm quy định nghĩa vụ duy trì giá trị tài sản thế chấp của bên thế chấp. *“Trường hợp tài sản thế chấp bị mất, hư hỏng, mất giá trị hoặc giảm sút giá trị thì bên thế chấp phải ... sửa chữa, bổ sung hoặc thay thế tài sản khác có giá trị tương đương hoặc bổ sung, thay thế biện pháp bảo đảm khác, nếu không có thoả thuận khác”*²⁵.

Khả năng duy trì giá trị của quyền sở hữu trí tuệ so với các tài sản khác cũng có những đặc thù riêng có như:

- Thời gian bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là có giới hạn đối với từng loại quyền sở hữu trí tuệ. Vì vậy, thời gian bảo hộ càng đến hạn thì giá trị càng giảm sút, không duy trì được giá trị ban đầu của tài sản bảo đảm. Do đó, nếu ngân hàng chưa thu hồi đủ vốn trong khi thời hạn bảo hộ của quyền sở hữu trí tuệ không còn đủ dài sẽ tăng tỷ lệ rủi ro bảo toàn vốn vay cho ngân hàng.
- Sự duy trì giá trị của quyền sở hữu trí tuệ còn phụ thuộc vào hoạt động và sự khai thác thương mại của doanh nghiệp nắm quyền tài sản quyền sở hữu trí tuệ. Nếu doanh nghiệp khai thác thương mại quyền sở hữu trí tuệ tốt sẽ làm tăng giá trị của tài sản bảo đảm và giảm rủi ro cho ngân hàng.
- Sự lỗi thời tự nhiên của tài sản trí tuệ cũng là nguyên nhân làm suy giảm giá trị của quyền sở hữu trí tuệ. Sự lỗi thời này hay còn gọi là hao mòn tự nhiên không phải trong nội tại tài sản mà đến từ các công nghệ mới, sản phẩm mới tốt hơn. *“Nếu có một sản phẩm mới với công nghệ mới được đưa vào thị trường, giá trị của tài sản trí tuệ kết hợp với các sản phẩm của nó đang giao dịch trên thị trường sẽ giảm”*²⁶.

²⁵ Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm

²⁶ Trần Thị Thu Hương, 2016. *Cho vay dựa trên tài sản đảm bảo là tài sản trí tuệ - Cơ hội, thách thức cho các ngân hàng thương mại Việt Nam*. Tạp chí khoa học & đào tạo ngân hàng, số 170, 46-52

Với mỗi trường hợp nêu trên, làm thế nào để các bên thống nhất được rằng giá trị của quyền sở hữu trí tuệ có sự thay đổi, đặc biệt là thay đổi theo chiều hướng suy giảm? trong khi bản chất việc định giá là rất khó khăn. Các bên khó tránh khỏi vướng mắc khi cùng ngồi lại để đánh giá lại giá trị tài sản bảo đảm khi xảy ra các sự kiện trên.

3.2.3. Giám sát việc khai thác và sử dụng tài sản bảo đảm là quyền sở hữu trí tuệ

Như đã đề cập, thế chấp là biện pháp bảo đảm mà không có sự chuyển giao quyền chiếm hữu tài sản bảo đảm. So với thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp quyền sở hữu trí tuệ có sự khác biệt rất lớn ở chỗ quản lý tài sản thế chấp. Việc giám sát của ngân hàng đối với tài sản trí tuệ sẽ khó khăn hơn so với các loại tài sản khác bởi quyền sở hữu trí tuệ là tài sản vô hình. Nếu ngân hàng không đồng hành, theo sát việc hoạt động của doanh nghiệp thì không thể quản lý, nắm bắt được hiệu quả khai thác thương mại của doanh nghiệp đối với tài sản trí tuệ. Nhiều nội dung về mặt quản lý sẽ phát sinh đối với ngân hàng để có thể giám sát việc khai thác và sử dụng tài sản trí tuệ như:

- Tính khả thi của phương án khai thác thương mại quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp. Thực tế thực hiện phương án đó.
- Thời điểm việc khai thác quyền sở hữu trí tuệ mang lại thu nhập thực tế cho doanh nghiệp.
- Sự xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên thị trường.
- Sự chia sẻ, hợp tác với bên thứ ba về quyền khai thác thương mại quyền sở hữu trí tuệ.
- Việc chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ cho bên thứ ba.

Từ quyền sở hữu trí tuệ đi đến sản phẩm, dịch vụ mang lại lợi nhuận là một quá trình rất xa, và tính khả thi chưa được kiểm chứng. Do vậy, việc giám sát hiệu quả hoạt động khai thác và sử dụng quyền sở hữu trí tuệ sẽ hạn chế rủi ro mất vốn cho ngân hàng.

3.2.4. Bảo vệ tài sản bảo đảm là quyền sở hữu trí tuệ

Oded Shenkar, giáo sư tại Đại học Bang Ohio, trong một công trình nghiên cứu về cách các công ty thông minh thực hiện việc bắt chước để đạt được lợi thế chiến lược, đã đưa ra nhận định: bắt chước thành công thay vì đổi mới có thể là cách tốt hơn để kiếm tiền. Tốt hơn nữa đó là vay mượn từ người khác và kết hợp điều đó với sự sáng tạo của

riêng mình, có thể tạo ra lợi thế cạnh tranh mạnh mẽ. Oded Shenkar cho rằng hành vi trộm cắp tài sản trí tuệ là không được dung túng, tuy nhiên cũng đưa ra đề xuất để biến sự bất chước trở thành yếu tố cốt lõi trong chiến lược cạnh tranh và kết hợp mạnh mẽ nó với sự đổi mới²⁷. Ngày nay, với sự phát triển của internet là mạng lưới giao thông, các rào cản cho sự bất chước đã bị xóa bỏ. Dẫn đến làm tăng rủi ro bị xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Hiện nay có quan điểm phân loại hành vi sử dụng trái phép đối với kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi, xuất xứ hàng hoá... để sản xuất sản phẩm thành hai dạng xâm phạm gồm: sản xuất hàng xâm phạm quyền SHCN và sản xuất hàng giả²⁸ dưới góc độ bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng. Tuy nhiên, dù phân loại vào dạng hành vi nào thì lợi ích của chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp đều bị tác động tiêu cực. Sự xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ làm suy giảm lợi ích thu được từ khai thác thương mại của chủ sở hữu, thậm chí vì đó mà thị trường đánh giá thấp khả năng đem lại lợi nhuận của tài sản trí tuệ.

Sự rủi ro bị xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ “*làm mất đòn bẩy thực thi quyền của chủ sở hữu*”²⁹. Ngoài ra còn làm ngân hàng ngại cấp vốn cho dự án khai thác tài sản trí tuệ.

3.2.5. Xử lý tài sản bảo đảm là quyền sở hữu trí tuệ

Theo quy định tại Điều 303 Bộ luật Dân sự năm 2015, các phương án xử lý tài sản bảo đảm hiện nay có thể được áp dụng bao gồm: bán tài sản bảo đảm, ngân hàng nhận chính tài sản bảo đảm, phương thức khác. Trên thực tế với các tài sản thế chấp có hình thái vật chất khác như quyền sử dụng đất, hàng tồn kho, phương án bán đấu giá được sử dụng phổ biến. Tuy nhiên việc áp dụng cho quyền sở hữu trí tuệ lại gặp khó khăn nhất định:

²⁷ Shenkar, Oded. (2010). *Copycats: How Smart Companies Use Imitation to Gain a Strategic Edge*. Strategic Direction. 26. 3-5. 10.1108/02580541011080474.

²⁸ PGS, TS. Trần Văn Nam, *Pháp luật và thực tiễn đấu tranh phòng chống các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam*. VNH3.TB7.763

²⁹ Trần Thị Thu Hương, 2016. *Cho vay dựa trên tài sản đảm bảo là tài sản trí tuệ - Cơ hội, thách thức cho các ngân hàng thương mại Việt Nam*. Tạp chí khoa học & đào tạo ngân hàng, số 170, 46-52

- Bán tài sản bảo đảm: Với những tài sản có hình thái vật chất, tương đối thuận lợi cho ngân hàng khi xử lý tài sản bảo đảm. Bởi lẽ, tính thanh khoản của các tài sản này cao hơn so với quyền sở hữu trí tuệ. Tài sản trí tuệ chỉ đem lại lợi ích cho chủ sở hữu khi tài sản đó được đưa vào trong hoạt động khai thác thương mại, thông qua hoạt động kinh doanh để có thu nhập. Do vậy, nếu một nhà đầu tư tiềm năng đánh giá họ có khả năng khai thác được tài sản trí tuệ trong tương lai thì mới có thể sẵn sàng giao dịch mua bán.

Ngay bản thân doanh nghiệp vay vốn để khai thác tài sản trí tuệ mà hiệu quả mang lại chưa đủ để thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm thì sẽ khó thuyết phục nhà đầu tư sẵn lòng mua tài sản trí tuệ đó.

- Ngân hàng nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế cho nghĩa vụ được bảo đảm: ngân hàng vốn không phải là tổ chức kinh doanh các loại sản phẩm, dịch vụ ngoài dịch vụ tín dụng. Do vậy, cho dù tiếp nhận chính tài sản trí tuệ thì ngân hàng cũng thực hiện các giao dịch khác đối với tài sản này như bán, đấu giá, trao đổi... Trong khi đó hiệu quả từ việc khai thác tài sản trí tuệ của doanh nghiệp trong quá trình cho vay không đảm bảo, vì vậy phương án xử lý này thực sự không có hiệu quả để thu hồi nguồn vốn đã cho vay.

Việc thiếu một thị trường giao dịch chuyên dành cho các tài sản trí tuệ dẫn đến khả năng mua bán, trao đổi, hợp tác để khai thác tài sản trí tuệ bị bó hẹp. Tương tự làm cho việc xử lý tài sản bảo đảm là quyền sở hữu trí tuệ gặp khó khăn do hạn chế khả năng tiếp cận các nhà đầu tư tiềm năng.

4. Giải pháp thúc đẩy thế chấp quyền sở hữu trí tuệ

Pháp luật cho phép việc thế chấp quyền sở hữu trí tuệ, tuy nhiên hầu hết các quy định hiện hành về thế chấp tài sản chỉ mới hướng đến các tài sản có hình thái vật chất, mà chưa quan tâm đề cập đến tài sản vô hình là quyền tài sản cũng như là quyền sở hữu trí tuệ³⁰. Dẫn đến, việc thế chấp quyền sở hữu trí tuệ để vay vốn ngân hàng hiện chưa được ghi nhận thực tế tại Việt Nam. Tuy nhiên, khi nền kinh tế phát triển cao hơn, tiền gần hơn đến nền kinh tế dựa trên công nghệ, việc sử dụng tài sản trí tuệ làm tài sản thế chấp sẽ

³⁰ Ths Bùi Đức Giang, Ths Nguyễn Trường Giang, 2012. *Đi tìm triết lý thế chấp quyền tài sản trong pháp luật Việt Nam*. Ngân hàng nhà nước Việt Nam, 2012, Số 7, tr.56-63

được phổ biến. Do vậy, để thúc đẩy hoạt động này, có thể xem xét một số biện pháp như sau:

4.1. Bổ sung các quy định hướng dẫn chi tiết giao dịch bảo đảm với đối tượng tài sản vô hình

Hiện đã có một số văn bản hướng dẫn về giao dịch bảo đảm bằng tài sản vô hình như: Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm hiện nay có quy định riêng đối với thế chấp quyền đòi nợ; Thông tư số 05/2011/TT-BTP quy định các tài sản thuộc trường hợp đăng ký giao dịch bảo đảm và thông báo việc kê biên, trong đó có quyền tài sản phát sinh từ quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; quyền đòi nợ; quyền được bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng”. Tuy nhiên ngoài các văn bản nêu trên, Việt Nam chưa có văn bản nào hướng dẫn chi tiết hơn về thế chấp quyền sở hữu trí tuệ. Cho thấy khung pháp lý cho hoạt động này còn rất sơ khai. Do vậy cần bổ sung các quy định chi tiết như:

- Quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch bảo đảm bằng tài sản vô hình, trong đó có quyền sở hữu trí tuệ;
- Các hướng dẫn về thẩm định giá tài sản hiện nay chủ yếu dựa trên giá trị sổ sách kế toán và dựa trên các thông tin không rõ ràng như lợi nhuận kỳ vọng, tỷ suất chiết khấu ... nên chưa phản ánh đúng giá trị của quyền sở hữu trí tuệ. Vì vậy nên có các quy định mở hơn để có thể định giá đúng giá trị của tài sản.
- Xây dựng các quy định để bảo đảm quyền lợi của ngân hàng khi có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Việt Nam đã có các quy định về phạt vi phạm hành chính, xử lý hình sự các chủ thể có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, tuy nhiên việc bồi thường thiệt hại cho chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ phải trải qua thủ tục phức tạp và thời gian dài. Trong khi đó chưa có quy định để bảo vệ bên nhận thế chấp trong trường hợp này.

Do vậy, như hiện nay thì các ngân hàng hoàn toàn bị động và phải phụ thuộc vào ý thức và hành động tự bảo vệ của bên thế chấp là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ.

4.2. Kết hợp giữa thế chấp quyền sở hữu trí tuệ và thế chấp tài sản hữu hình khi cấp tín dụng

Chỉ riêng quyền sở hữu trí tuệ có thể không đủ đảm bảo để ngân hàng cấp vốn tín dụng. Do vậy, sự kết hợp cả hai loại tài sản hữu hình và vô hình vào trong một giao dịch bảo đảm sẽ giảm độ rủi ro nợ xấu cho ngân hàng. Đây là bước đệm cho việc tiến đến sự độc lập của thế chấp quyền sở hữu trí tuệ.

Có nghiên cứu chỉ ra rằng, đầu tư vào tài sản trí tuệ có độ ổn định về thu nhập cao hơn so với tài sản hữu hình truyền thống bởi lẽ tài sản trí tuệ vẫn có thể được sử dụng để tạo ra doanh thu, ngay cả trong thời kỳ kinh tế suy thoái³¹. Trong giai đoạn suy thoái kinh tế bắt đầu từ năm 2007, một số công ty đã dựa vào các tài sản trí tuệ một cách tuyệt đối để duy trì khả năng cạnh tranh trong thời gian khó khăn khi nguồn lực ngày càng tăng³². Ngay trong khó khăn mà tài sản trí tuệ có sự ổn định về thu nhập thì trong giai đoạn bình thường, nó sẽ càng đem lại nguồn lợi ổn định hơn.

4.3. Thành lập các tổ chức giao dịch tập trung tài sản trí tuệ để tăng tính thanh khoản của tài sản

Hiện nay Việt Nam không có tổ chức nào làm trung gian để các nhà sáng chế, các nhà đầu tư có thể gặp gỡ và giao dịch tài sản trí tuệ. Do đó, độ phổ biến của các sáng tạo trong xã hội là không cao. Một tổ chức như vậy sẽ thúc đẩy tính thanh khoản cho tài sản trí tuệ và đem lại nhiều lợi ích như:

- Gỡ vướng đầu ra cho cả ngân hàng và các chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ. Vừa hỗ trợ cho hoạt động khai thác thương mại tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, vừa hỗ trợ cho các bên khi xử lý tài sản bảo đảm.
- Là nơi thu thập và cung cấp thông tin về các giao dịch quyền sở hữu trí tuệ. Đây là cơ sở để phục vụ cho hoạt động định giá quyền sở hữu trí tuệ cũng đang gặp khó khăn.

³¹ Brian W. Jacobs, 2011. *Using Intellectual Property to Secure Financing after the Worst Financial Crisis Since the Great Depression*. 15 Intellectual Property L. Rev. 449.

³² Sheetal Chopra, Satha Negi, 2010. *Role of intellectual Property during recession*. Journal of Intellectual Property Rights. Vol 15, March 2010, 122-129.

5. Kết luận

Sử dụng tài sản trí tuệ làm tài sản thế chấp để huy động vốn không phải là hoạt động mới mẻ trên thế giới, đặc biệt là tại Hoa Kỳ - quốc gia có nền công nghệ phát triển hàng đầu thế giới. Tại quốc gia này, mặc dù có những giai đoạn thoái trào do ảnh hưởng của sự cố công nghệ năm 2000 hay giai đoạn suy thoái bắt đầu từ năm 2007. Tuy nhiên, việc sử dụng tài sản trí tuệ để huy động vốn tiếp tục tăng khi thị trường phục hồi và việc sử dụng tài sản trí tuệ làm tài sản thế chấp là dấu hiệu của một thị trường công nghệ mạnh mẽ, điều mà Hoa Kỳ đang cố gắng hướng tới ³³.

Việt Nam chưa ghi nhận việc dùng tài sản trí tuệ là tài sản thế chấp để huy động vốn. Mặc dù pháp luật cho phép, và cũng đã có những quy định chung để điều chỉnh hoạt động khai thác thương mại tài sản trí tuệ cũng như hoạt động thế chấp, tuy nhiên với thực trạng nợ xấu của các ngân hàng và nền kinh tế công nghệ chưa phát triển thì có thể hiểu được sự ngần ngại của các ngân hàng khi nhận tài sản bảo đảm là tài sản trí tuệ. Tuy nhiên với xu thế chung toàn cầu hiện nay là kinh tế số gắn với công nghệ hiện đại ³⁴, Việt Nam đã dần xuất hiện một số doanh nghiệp công nghệ có sự đầu tư đúng hướng, thì trong tương lai có khả năng sẽ xuất hiện các giao dịch thế chấp tài sản là quyền sở hữu trí tuệ.

³³ Brian W. Jacobs, 2011. *Using Intellectual Property to Secure Financing after the Worst Financial Crisis Since the Great Depression*. 15 Intellectual Property L. Rev. 449

³⁴ Đặng Văn Sáng, 2020. *Xu hướng phát triển kinh tế số trên thế giới và hàm ý cho Việt Nam*. Tạp chí Tài chính Kỳ 2 - Tháng 9/2020.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. WIPO, What is Intellectual Property? <<https://www.wipo.int/about-ip/en/>>. [Ngày truy cập: 12/12/2020]
2. Bùi Đức Giang, 2012. Đi tìm triết lý thế chấp quyền tài sản trong pháp luật Việt Nam. Ngân hàng nhà nước Việt Nam, 2012, Số 7, tr.56-63.
3. PGS, TS. Trần Văn Nam, Pháp luật và thực tiễn đấu tranh phòng chống các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam. VNH3.TB7.763
4. Trần Thị Thu Hương, 2016. Cho vay dựa trên tài sản đảm bảo là tài sản trí tuệ - Cơ hội, thách thức cho các ngân hàng thương mại Việt Nam. Tạp chí khoa học & đào tạo ngân hàng, số 170, 46-52
5. Brian W. Jacobs, 2011. Using Intellectual Property to Secure Financing afer the Worst Financial Crisis Since the Great Depression. Marquette Intellectual Property Law Review, Vol 15, 499-464.
6. Shenkar, Oded. (2010). Copycats: How Smart Companies Use Imitation to Gain a Strategic Edge. Strategic Direction. 26. 3-5. 10.1108/02580541011080474
7. Sheetal Chopra, Satha Negi, 2010. Role of intellectual Property during recession. Journal of Intellectual Property Rights. Vol 15, March 2010, 122-129
8. Đặng Văn Sáng, 2020. Xu hướng phát triển kinh tế số trên thế giới và hàm ý cho Việt Nam. Tạp chí Tài chính Kỳ 2 - Tháng 9/2020.
9. Hương Dịu, 2019. Dùng quyền sở hữu trí tuệ vay vốn: Cái khó bó cái khôn. <<https://haiquanonline.com.vn/dung-quyen-so-huu-tri-tue-vay-von-cai-kho-bo-cai-khon-103921-103921.html>>. [Ngày truy cập: 29/11/2020]
10. Lam Giang, 2019. *Khó thế chấp tài sản sở hữu trí tuệ vay vốn ngân hàng.* <<https://vneconomy.vn/kho-the-chap-tai-san-so-huu-tri-tue-vay-von-ngan-hang-20190301103652111.htm>>. [Ngày truy cập: 27/12/2020]

DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Bộ luật Dân sự năm 2015
2. Bộ luật Dân sự năm 2005 (Hết hiệu lực ngày 01/01/2017)

3. Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm
4. Nghị định số 178/1999/NĐ-CP về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng (Hết hiệu lực)
5. Thông tư số 126/2015/TT-BTC về các phương pháp tiếp cận trong quá trình thẩm định giá
6. Thông tư số 06/2014/TT-BTC về thẩm định giá tài sản vô hình